CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 212 /2026/QĐ-TGĐ	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ 03/11/2026)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Loại: HII - Công ty Cổ phần An Tiến Industries (HOSE) ra khỏi Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 03/11/2026.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 03/11/2026 sẽ bao gồm 291 mã chứng khoán (trong đó 234 mã chứng khoán sàn HSX và 57 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 209/2026/QĐ-TGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 66 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI
P. CỬA NAM - T.P HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT VẬN HÀNH VÀ DỊCH VỤ KH
Lê Thị Hoài Thu

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu VT.*

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 03/11/2026

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	**Mã**		**STT**	**Mã**
1	AAA		1	BAB
2	ACB		2	BVS
3	ACG		3	C69
4	ADS		4	CAP
5	AFX		5	CEO
6	AGG		6	CSC
7	AGR		7	CST
8	ANT		8	DNP
9	ANV		9	DP3
10	ASM		10	DTD
11	AST		11	DXP
12	BAF		12	HUT
13	BCM		13	HVT
14	BFC		14	IDC
15	BIC		15	IDV
16	BID		16	IPA
17	BKG		17	KSF
18	BMP		18	KSV
19	BSI		19	L18
20	BSR		20	L40
21	BVH		21	LAS
22	BWE		22	LHC
23	CDC		23	MAC
24	CHP		24	MBG
25	CII		25	MBS
26	CKG		26	MDC
27	CLL		27	MST
28	CMG		28	MVB
29	CNG		29	NAG
30	CRC		30	NBC
31	CRE		31	NDN
32	CSM		32	NTP
33	CSV		33	PCH
34	CTD		34	PLC
35	CTG		35	PMC
36	CTI		36	PSD
37	CTR		37	PSI
38	CTS		38	PVB
39	D2D		39	PVC
40	DBC		40	PVI

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
41	DBD		41	PVS
42	DC4		42	SCG
43	DCL		43	SJE
44	DCM		44	SLS
45	DGW		45	TD6
46	DHA		46	TIG
47	DHC		47	TMB
48	DHG		48	TNG
49	DIG		49	TPP
50	DPG		50	TVD
51	DPM		51	VC3
52	DPR		52	VC7
53	DRC		53	VCS
54	DRL		54	VFS
55	DSE		55	VGS
56	DSN		56	VNR
57	DVP		57	VTZ
58	DXG			
59	DXS			
60	EIB			
61	ELC			
62	EVF			
63	EVG			
64	FCN			
65	FMC			
66	FPT			
67	FRT			
68	FTS			
69	GAS			
70	GEE			
71	GEG			
72	GEL			
73	GEX			
74	GHC			
75	GMD			
76	GSP			
77	GVR			
78	HAG			
79	HAH			
80	HAX			
81	HCM			
82	HDB			
83	HDC			
84	HDG			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
85	HHP			
86	HHS			
87	HHV			
88	HPA			
89	HPG			
90	HQC			
91	HSG			
92	HSL			
93	HT1			
94	HTG			
95	HTI			
96	HTN			
97	HVH			
98	IDI			
99	IJC			
100	ILB			
101	IMP			
102	ITC			
103	KBC			
104	KDC			
105	KDH			
106	KHG			
107	KSB			
108	LBM			
109	LCG			
110	LHG			
111	LIX			
112	LPB			
113	LSS			
114	MBB			
115	MCH			
116	MCM			
117	MIG			
118	MSB			
119	MSH			
120	MSN			
121	MWG			
122	NAB			
123	NAF			
124	NCT			
125	NHH			
126	NKG			
127	NLG			
128	NNC			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
129	NT2			
130	NTC			
131	NTL			
132	NVL			
133	OCB			
134	OPC			
135	ORS			
136	PAC			
137	PAN			
138	PC1			
139	PDN			
140	PDR			
141	PET			
142	PGC			
143	PGD			
144	PGI			
145	PHC			
146	PHR			
147	PLX			
148	PNJ			
149	POW			
150	PPC			
151	PTB			
152	PTC			
153	PVD			
154	PVP			
155	PVT			
156	QCG			
157	RAL			
158	REE			
159	RYG			
160	SAB			
161	SAM			
162	SBA			
163	SBT			
164	SCR			
165	SCS			
166	SGN			
167	SGR			
168	SHB			
169	SHI			
170	SIP			
171	SJD			
172	SKG			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
173	SMB			
174	SRC			
175	SSB			
176	SSI			
177	STB			
178	SZC			
179	SZL			
180	TAL			
181	TCB			
182	TCH			
183	TCI			
184	TCL			
185	TCM			
186	TCO			
187	TCX			
188	TDC			
189	TDM			
190	TDP			
191	TEG			
192	THG			
193	TIP			
194	TLD			
195	TLG			
196	TN1			
197	TNI			
198	TNT			
199	TPB			
200	TRA			
201	TRC			
202	TTA			
203	TV2			
204	TVB			
205	TVS			
206	VAB			
207	VCB			
208	VCG			
209	VCI			
210	VCK			
211	VDS			
212	VFG			
213	VGC			
214	VHC			
215	VHM			
216	VIB			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	**Mã**		**STT**	**Mã**
217	VIC			
218	VIP			
219	VIX			
220	VJC			
221	VND			
222	VNM			
223	VOS			
224	VPB			
225	VPI			
226	VPL			
227	VPX			
228	VRE			
229	VSC			
230	VSH			
231	VTO			
232	VTP			
233	VVS			
234	YEG			